BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Thương mại điện tử - Kinh doanh số

Khoá học: 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 901/QĐ-ĐHPĐ-ĐT, ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Kinh doanh số	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Công nghệ số và Truyền thông	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-cong-nghe-so-truyen-thong	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7340122	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Thương mại điện tử - Chuyên ngành Kinh doanh số tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ) - Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo	

- Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Kết quả kỳ thi đánh giá tư duy (ĐGTD) của Đại học Bách khoa Hà Nội

Thời gian và hình thức đào tạo

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Cử nhân Thương mại điện tử - Chuyên ngành Kinh doanh số	3,5-4 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế

Ngôn ngữ giảng dạy chính

Tiếng Việt

Ngôn ngữ dùng để đánh giá

Tiếng Việt

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm - Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	4	0	0	4	
3	Tiến sĩ	14	0	0	14	
4	Thạc sĩ	25	02	0	27	
5	Kỹ sư	0	0	0	0	
6	Cử nhân	0	0	0	0	
TỔNG CỘNG		**43**	**02**	**0**	**45**	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên quản trị dự án Thương mại điện tử
- Chuyên viên phát triển và quản trị kênh phân phối trực tuyến
- Chuyên viên phân tích và hoạch định chiến lược kinh doanh số
- Chuyên viên phát triển sản phẩm và ứng dụng Web/App thương mại
- Chủ doanh nghiệp số và chuyên gia Thương mại điện tử làm việc trong môi trường đa quốc gia

- Nghiên cứu viên và giảng viên tại các viện, trường đại học, các tổ chức, doanh nghiệp Thương mại điện tử trong và ngoài nước

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo	
Sự tích hợp hài hòa giữa hệ giá trị phương Đông và phương pháp khoa học phương Tây (East Values - West Methods), nhằm nuôi dưỡng những con người có tinh thần nhân văn, tư duy độc lập, năng lực học tập suốt đời, khả năng thích ứng và ý thức trách nhiệm xã hội.	
4b. Mục tiêu của CTĐT	
Chương trình đào tạo trình độ đại học Kinh doanh số thuộc ngành Thương mại điện tử nhằm đào tạo cử nhân có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; có kiến thức nền tảng và chuyên môn về kinh tế, quản trị, công nghệ số và kinh doanh số; có năng lực tổ chức, quản lý, vận hành và phát triển các hoạt động, mô hình và dự án kinh doanh trong môi trường số. Người học có khả năng ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và các công nghệ mới vào phân tích, ra quyết định và giải quyết các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp; có năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; có khả năng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và thị trường lao động, chủ động học tập suốt đời, phát triển nghề nghiệp và khởi nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập.	
4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
Kiến thức:	
PLO 1	**Vận dụng** linh hoạt các nguyên lý kinh tế - xã hội, phương pháp phân tích định lượng và nền tảng công nghệ số trong lĩnh vực thương mại điện tử phù hợp với bối cảnh thực tiễn.
PLO 2	**Phân tích** các nguyên lý nền tảng về mô hình kinh tế học, quản trị học, kế toán và marketing cơ bản để làm cơ sở hoạch định các hoạt động kinh doanh trên môi trường số.
PLO 3	**Phân tích** các yếu tố khách hàng số, nền tảng bán lẻ trực tuyến, quy trình vận hành và quản lý dự án kinh doanh số, cùng các giải pháp công nghệ số tiên tiến trong hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp.
Kỹ năng:	
PLO 4	**Vận dụng** công nghệ số, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm vào quá trình học tập và hoạt động nghề nghiệp trong môi trường đa văn hóa.
PLO 5	**Vận dụng** năng lực nghiên cứu, tư duy độc lập và tư duy phản biện vào các báo cáo chuyên môn và phương án giải quyết vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.
PLO 6	**Phân tích** các công cụ, giải pháp công nghệ và yêu cầu nghiệp vụ kinh doanh thương mại, tiếp thị, truyền thông và thương hiệu trên môi trường số.

PLO 7	**Vận dụng** các quy trình nghiệp vụ logistics, xử lý giao dịch và khách hàng vào công tác quản lý hoạt động kinh doanh thương mại.
PLO8	**Phân tích** hiệu quả hoạt động kinh doanh, quản trị nguồn lực và vận hành số trong quy trình tác nghiệp và mô hình kinh doanh số của doanh nghiệp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	**Tuân thủ** các nguyên tắc pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, bảo mật dữ liệu và trách nhiệm với cộng đồng trong quá trình triển khai các dự án kinh doanh trên nền tảng số.
PLO 10	**Chủ động** học tập suốt đời, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển năng lực nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số.

4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước: Chương trình đào tạo Kinh doanh số có sự nhất quán mạnh mẽ về hệ thống kiến thức cốt lõi so với hai cơ sở đào tạo uy tín là Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Quốc gia Hà Nội. Phần lớn các học phần trong khung chương trình đều có sự đối chiếu trực tiếp và tương đương về mặt nội dung tại các đại học lớn không chỉ khẳng định chất lượng và tính chuẩn mực của chương trình, mà còn đảm bảo nền tảng kiến thức vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc liên thông hoặc học tập nâng cao sau này.

  + Nước ngoài:Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh doanh số của Trường Đại học Phương Đông có sự tương đồng cao và bám sát các chuẩn mực quốc tế. Mức độ bao phủ nội dung khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành đạt khoảng 78,0% so với Monash University và 76,0% so với University of Waikato. Các tỷ lệ đều vượt xa mức tiêu

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 135 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	ITE710001	Kỹ năng số	2	60		60			BB			
2	1	FOS710001	Anh Văn 1	3	60	30	30			BB			
3	1	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB			
4	1	MAT710008	Toán kinh tế	3	45	45				BB			
5	2	POL710001	Triết học Mác – Lênin	3	45	45				BB			
6	2	FOS710002	Anh Văn 2	3	60	30	30			BB	FOS710001		
7	2	ITE710003	Cơ sở lập trình	2	45	15	30			BB			
8	2	ITE720004	Cơ sở dữ liệu	3	45	45				BB	ITE710001		
9	2	ITE710002	Khám phá AI	2	60		60			BB	ITE710001		
10	2	BUS723001	Nguyên lý kinh doanh số	3	45	45				BB			
11	3	POL710002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	30				BB	POL710001		
12	3	JMC710005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30				BB			
13	3	MAT710005	Xác suất và Thống kê ứng dụng	2	30	30				BB			
14	3	FOS710003	Anh Văn 3	3	60	30	30			BB	FOS710002		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
15	3	ECO720001	Kinh tế vi mô	3	45	45				BB			
16	3	BUS720001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2	30		30			BB	ITE710001		
17	3	ITE720005	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	45	15	30			BB	ITE720004		
18	3	SPO760001	Giáo dục thể chất	3	45	45				BB			
19	4	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30				BB	POL710002		
20	4	ITE720007	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	60	30	30			BB			ITE720004
21	4	MGT720001	Quản trị học	3	45	45				BB			
22	4	BUS721001	Marketing căn bản	3	45	45				BB			
23	4	FOS710004	Anh Văn 4	3	60	30	30			BB	FOS710003		
24	4	ECO720002	Kinh tế vĩ mô	2	30	30				BB			ECO720001
25	5	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30				BB	POL710003		
26	5	ACC721002	Nguyên lý kế toán	3	45	45				BB			
27	5	BUS733005	Ứng dụng công nghệ AI trong kinh doanh số	3	60	30	30			TC			ITE710002
28	5	BUS733004	Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong kinh doanh số	3	60	30	30			TC			ITE710001

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
29	5	BUS733024	Hành vi người tiêu dùng trực tuyến	2	30	30				BB			
30	5	MIL760001	Giáo dục quốc phòng và An ninh	11	165	165				BB			
31	6	POL710005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30				BB			POL710004
32	6	FOS710005	Anh Văn 5	3	60	30	30			BB	FOS710004		
33	6	BUS733011	Marketing số	3	45	45				BB			BUS721001
34	6	BUS720004	Hệ thống thông tin quản lý	3	45	45				BB			
35	6	BUS743001	Thực tập doanh nghiệp	2	90				90	BB			
36	7	BUS733023	Pháp luật về kinh doanh số	3	45	45				BB			LAW710006
37	7	BUS733006	Thực hành Quảng cáo điện tử	2	45	15	30			TC			
38	7	BUS733007	An toàn và bảo mật thông tin trong Kinh doanh số	2	30	30				TC			
39	7	BUS733026	Quản lý dự án kinh doanh số	3	45	45				BB			
40	7	BUS733010	Thanh toán điện tử	3	45	45				BB			
41	7	BUS733003	Khai thác và phân tích dữ liệu	3	60	30	30			BB			ITE720004
42	8	BUS733008	Khởi nghiệp kinh doanh số	3	45	45				BB			
43	8	INM731001	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3	45	45				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
44	8	BUS733027	Quản trị tác nghiệp kinh doanh số	3	45	45				BB			
45	8	BUS733022	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	45				BB	FOS710005		
46	8	BUS733025	Phát triển ứng dụng web thương mại	3	60	30	30			BB			ITE710003
47	9	BUS733028	Triển khai dự án Kinh doanh số	3	45	45				BB			BUS733008 BUS733026
48	9	BUS733019	Quản trị nguồn nhân lực số	2	30	30				TC			
49	9	BUS733018	Quản trị truyền thông số	2	30	30				TC			
50	9	BUS733030	Chuyên đề Kinh doanh số	2	30	30				BB			
51	9	ACC731008	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	45				BB			
52	9	BUS733029	Bán lẻ trực tuyến	3	45	45				BB			
53	9	BUS733021	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	2	30	30				TC			
54	9	BUS733020	Quản trị thương hiệu trong môi trường số	2	30	30				TC			
55	10	BUS743002	Thực tập tốt nghiệp	2	90				90	BB	BUS743001		
56	10	BUS753001	Khóa luận tốt nghiệp	8						BB	BUS743002		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
Học phần thay thế													
57	10	BUS773004	Kinh doanh điện tử quốc tế	3	45	45				BB			
58	10	BUS773005	Chiến lược kinh doanh số	3	45	45				BB			BUS733026
59	10	ACC731017	Phân tích báo cáo tài chính	2	30	30				BB			

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác – Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc thuộc hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua đó, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực vận dụng các kiến thức triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức, cũng như thực tiễn học tập.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp người học nắm vững, giải thích được những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			vấn đề: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình xây dựng xã hội XHCN (dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH). Kiến thức của học phần là cơ sở để người học nhận diện, vận dụng kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học và lý giải một số vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức công dân và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để người học tiếp cận về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; liên hệ các nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và con người. Kiến thức của học phần góp phần hình thành tư duy độc lập, năng lực liên hệ và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, đất nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng; vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải các chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ. Nội dung học phần tập trung vào quá trình thành lập Đảng; sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến và kiến quốc; xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng, học phần giúp người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề lịch sử – chính trị và vận dụng những bài học lịch sử vào nhận thức các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.
6	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày, giải thích nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật; nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; vận dụng quy định pháp luật để xử lý tình huống pháp lý đơn giản. Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật hiến pháp, hành chính,

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			hình sự, dân sự và tố tụng. Qua học phần, người học hình thành khả năng lựa chọn cách ứng xử phù hợp với pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân.
7	Toán kinh tế	3	Toán kinh tế là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về đại số tuyến tính, giải tích một biến, giải tích nhiều biến và tối ưu có ràng buộc. Học phần giúp người học giải thích các khái niệm, định lý và phương pháp cơ bản; áp dụng ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, đạo hàm, tích phân, đạo hàm riêng, phương pháp nhân tử Lagrange, bài toán vận tải để giải các bài toán định lượng cơ bản. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng công cụ tính toán và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
8	Xác suất và Thống kê ứng dụng	2	Xác suất và Thống kê ứng dụng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành thuộc khối ngành Kinh tế, Quản trị, Công nghệ thông tin, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về bộ công cụ phân tích dữ liệu thực tiễn và tư duy ra quyết định dựa trên dữ liệu. Học phần giúp người học giải thích được bản chất của công thức Bayes, các đại lượng đặc trưng của các phân phối xác suất và logic của suy diễn thống kê. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng phần mềm Excel và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
9	Anh Văn 1	3	Anh văn 1 (AV1) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh cơ bản ở trình độ A1 theo CEFR (tương đương IELTS 3.0). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi được thông tin cơ bản về bản thân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống, học tập; đồng thời bước đầu hình thành kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở trình độ A1; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại ngắn về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết trình bày thông tin cá nhân; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng Tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV2 và phát triển năng lực sử dụng Tiếng Anh.
10	Anh Văn 2	3	Anh văn 2 (AV2) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, tiếp nối AV1, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh cơ bản ở trình độ A2 theo CEFR (tương đương IELTS 3.5). Học phần giúp người học trình

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			bày, mô tả và trao đổi mạch lạc hơn về các chủ đề quen thuộc liên quan đến trải nghiệm, môi trường và lịch sử; tiếp tục rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết mô tả, kể chuyện và trình bày quan điểm đơn giản; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng Tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV3 và phát triển năng lực sử dụng Tiếng Anh.
11	Anh Văn 3	3	Anh văn 3 (AV3) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ A2+ theo CEFR (tương đương IELTS 4.0). Học phần giúp người học trình bày, so sánh – đối chiếu và lý giải nguyên nhân – kết quả về các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày; phát triển kỹ năng diễn đạt quan điểm cá nhân bằng cấu trúc rõ ràng hơn. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2+; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại có độ dài và độ phức tạp tăng dần; kỹ năng nói – viết diễn đạt vấn đề – giải pháp, so sánh – đối chiếu; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng Tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV4 và phát triển năng lực sử dụng Tiếng Anh.
12	Anh Văn 4	3	Anh văn 4 (AV4) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh đạt trình độ B1 theo CEFR (tương đương IELTS 4.5). Học phần giúp người học phân tích, tóm tắt và trình bày lập luận về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và học tập; phát triển kỹ năng phân tích ưu – nhược điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1; kỹ năng nghe – đọc hiểu, tóm tắt nội dung chính và chi tiết của văn bản, hội thoại; kỹ năng nói – viết trình bày bài phát biểu và bài luận phân tích ưu – nhược điểm; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng Tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV5 và phát triển năng lực sử dụng Tiếng Anh.
13	Anh Văn 5	3	Anh văn 5 (AV5) là học phần cuối thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ B1+ theo CEFR (tương đương IELTS 5.0). Học phần giúp người học phân tích các mối quan hệ logic, quan điểm và luận điểm trong văn bản, hội thoại; đồng thời trình bày bài nói, viết báo cáo và bài luận có cấu trúc rõ ràng. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1+; kỹ năng nghe – đọc hiểu, phân tích văn bản, hội thoại có cấu trúc phức tạp; kỹ năng nói – viết trình bày, xử lý tình huống và viết báo cáo, bài luận; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng Tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			năng của học phần là cơ sở để người học đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của chương trình, phục vụ học tập chuyên ngành và tham gia các kỳ thi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế.
14	Kỹ năng số	2	Học phần trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản trong khai thác, tìm kiếm, đánh giá và quản lý dữ liệu, thông tin trên môi trường số; giao tiếp, hợp tác và làm việc trực tuyến. Người học được thực hành sử dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) để sáng tạo nội dung, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày tài liệu và hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong học tập và công việc. Học phần đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng về an toàn, bảo mật thông tin, quyền riêng tư, bản quyền, đạo đức và ứng xử có trách nhiệm trong môi trường số.
15	Khám phá AI	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo và AI tạo sinh, bao gồm khả năng, giới hạn, tác động và các rủi ro khi sử dụng AI. Người học được thực hành kỹ thuật prompting, kiểm chứng và đánh giá đầu ra AI; ứng dụng các công cụ AI tạo sinh để hỗ trợ học tập, công việc và phát triển các sản phẩm số như văn bản, hình ảnh, video và ứng dụng đơn giản. Học phần đồng thời hình thành năng lực sử dụng AI có trách nhiệm, chú trọng liêm chính học thuật, bản quyền, quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và trách nhiệm của người dùng đối với sản phẩm do AI hỗ trợ tạo ra.
16	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học; hướng dẫn vận dụng năng lực số, công nghệ số và chuẩn dữ liệu trong tìm kiếm, quản lý và sử dụng thông tin phục vụ học tập và nghiên cứu. Học phần trang bị phương pháp nghiên cứu khoa học; hướng dẫn người học phân tích vấn đề nghiên cứu, xây dựng kế hoạch nghiên cứu và vận dụng các phương pháp thu thập, xử lý, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học. Đồng thời, học phần giúp người học phân tích kết quả thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu và phát triển bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và sự thay đổi của công nghệ.
17	Cơ sở lập trình	2	Học phần Cơ sở lập trình trang bị kiến thức nền tảng về lập trình, thuật toán và quy trình giải bài toán trên máy tính. Nội dung gồm phân tích bài toán, xác định dữ liệu vào và dữ liệu ra, xây dựng thuật toán bằng mã giả hoặc lưu đồ; sử dụng các thành phần cơ bản của C++ như biến, kiểu dữ liệu, toán tử, biểu thức, lệnh nhập xuất, cấu trúc rẽ nhánh, vòng lặp, mảng và hàm. Qua thực hành, sinh viên rèn luyện kỹ năng viết, biên dịch, chạy thử và sửa lỗi chương trình; bước đầu vận dụng lập trình để giải quyết các bài toán đơn giản về tính toán và quản lý dữ liệu trong thương mại điện tử. Học phần phát triển tư duy logic, năng lực số, khả năng tự học và trách nhiệm khi xây dựng, sử dụng mã nguồn.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
18	Giáo dục quốc phòng & an ninh	11	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước, cùng truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Người học được rèn luyện tác phong chính quy, tính kỷ luật, kỹ năng quân sự phổ thông và năng lực sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc. Môn học cũng chú trọng nâng cao lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của công dân đối với chủ quyền quốc gia. Qua môi trường rèn luyện tập thể, sinh viên được trau dồi tinh thần đoàn kết, ý chí kiên cường và lối sống lành mạnh, trách nhiệm.
19	Giáo dục thể chất	3	Mục đích của học phần nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe thể chất, sự dẻo dai và phát triển thể lực toàn diện cho người học. Thông qua các nội dung rèn luyện cơ bản, các môn thể thao và bài tập vận động, người học được trang bị kỹ năng vận động đúng cách và ý thức tự giác rèn luyện thân thể. Môn học cũng chú trọng giáo dục tinh thần đồng đội, tính kỷ luật, ý chí kiên trì và khả năng giải tỏa căng thẳng sau giờ học lý thuyết. Từ đó, sinh viên hình thành lối sống lành mạnh, khoa học để duy trì nguồn năng lượng tích cực phục vụ cho học tập và cuộc sống.
20	Kinh tế vi mô	3	Học phần này mô tả những kiến thức cơ bản về: kinh tế vi mô và những vấn đề cơ bản của doanh nghiệp; cung cầu hàng hóa; thị trường tiêu dùng; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết về sản xuất của doanh nghiệp; cạnh tranh và độc quyền; thị trường và các yếu tố sản xuất; những hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.
21	Kinh tế vĩ mô	2	Kinh tế vĩ mô là học phần nghiên cứu tổng thể nền kinh tế thông qua các biến số cơ bản như sản lượng, thu nhập, đầu tư, tiền tệ, lãi suất, lạm phát, thất nghiệp, thuế và chi tiêu của chính phủ, xuất nhập khẩu và cán cân thương mại,... Mối quan hệ của các biến số này được mô tả thông qua các mô hình kinh tế vĩ mô như mô hình tổng cung – tổng cầu (AS-AD), mô hình IS-LM trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có đủ kiến thức để nắm được các thức vận hành của nền kinh tế, các biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn và cách thức chính phủ sử dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
22	Quản trị học	3	Quản trị học là môn học thuộc lĩnh vực quản trị dành cho sinh viên các ngành kinh tế - quản trị kinh doanh, được phổ biến rộng rãi trong chương trình giảng dạy trong các trường đại học kinh tế và kinh doanh ở các nước trên thế giới và trong nước. Học phần bao gồm các khái niệm, định nghĩa, bản chất và đặc trưng cơ bản của hoạt động quản trị, các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết (trường phái) quản trị khác nhau cả cổ điển và hiện đại. Phần lớn thời gian và trọng tâm của chương trình dành để đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu các chức năng của quản trị như: hoạch định; tổ chức; lãnh đạo điều hành và kiểm tra, kiểm soát. Ngoài ra chương trình cũng cung cấp một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
23	Nguyên lý kế toán	3	Học phần Nguyên lý kế toán được cấu trúc theo hai cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành nền tảng kiến thức và kỹ năng nhập môn của người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được trang bị bản chất, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của hạch toán kế toán trong quản lý kinh tế - tài chính; các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung; đối tượng của hạch toán kế toán và biểu hiện cụ thể tại doanh nghiệp; hệ thống các phương pháp kế toán bao gồm phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán; tổ chức sổ kế toán và kỹ thuật ghi sổ. Ở cấp độ vận dụng, học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lập và kiểm tra chứng từ kế toán, định khoản và ghi chép các quan hệ đối ứng tài khoản, tính giá một số đối tượng kế toán cơ bản, lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo kế toán cơ bản (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh); đồng thời làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm và công cụ AI để hỗ trợ tra cứu, xử lý thông tin kế toán, xây dựng và thuyết trình bài thảo luận nhóm. Đây là nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập các học phần kế toán chuyên ngành ở các giai đoạn tiếp theo.
24	Marketing căn bản	3	Học phần Marketing căn bản trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về marketing hiện đại, giúp sinh viên hiểu được bản chất, vai trò và chức năng của marketing trong hoạt động của doanh nghiệp và tổ chức. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cốt lõi về môi trường marketing, hành vi khách hàng, phương pháp nghiên cứu thị trường, chiến lược phân khúc – mục tiêu – định vị (STP) và các chính sách marketing hỗn hợp (4P); đồng thời có khả năng vận dụng các nguyên lý marketing để phân tích môi trường kinh doanh, nhận diện nhu cầu khách hàng, lựa chọn thị trường mục tiêu và đề xuất các giải pháp marketing phù hợp với mục tiêu và điều kiện của tổ chức trong bối cảnh chuyển đổi số. Học phần cũng hướng tới việc phát triển năng lực ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) vào các hoạt động nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu và xây dựng ý tưởng marketing, góp phần hình thành tư duy sáng tạo, khả năng làm việc nhóm và ra quyết định dựa trên thông tin trong môi trường kinh doanh thực tiễn
25	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng công cụ tin học văn phòng, trọng tâm là Microsoft Excel, để xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu phục vụ hoạt động kinh doanh. Nội dung bao gồm: các kiểu dữ liệu và kỹ thuật tổ chức, quản lý bảng dữ liệu; các hàm tra cứu, hàm và công cụ tổng hợp dữ liệu, hàm cơ sở dữ liệu và một số hàm tài chính thông dụng; ứng dụng Power BI để tự động hóa phân tích và xây dựng báo cáo trực quan. Sinh viên vận dụng các công cụ này vào giải quyết các bài toán nghiệp vụ kinh doanh cơ bản ở quy mô nhỏ như quản lý bán hàng, quản lý khách hàng, quản lý chấm công, tính lương, lập báo cáo doanh thu, chi phí, ... Qua đó, học phần hình thành năng lực làm việc độc lập và theo nhóm, tác phong nghề nghiệp trong xử lý dữ liệu.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
26	Cơ sở dữ liệu	3	Học phần Cơ sở dữ liệu trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về dữ liệu, thông tin, cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu; đồng thời làm rõ vai trò của cơ sở dữ liệu trong tổ chức, lưu trữ, khai thác và quản lý thông tin. Sinh viên được tiếp cận phương pháp mô hình hóa dữ liệu bằng mô hình thực thể – liên kết, xác định thực thể, thuộc tính, khóa, liên kết và các ràng buộc dữ liệu. Học phần cung cấp kiến thức về mô hình dữ liệu quan hệ, phụ thuộc hàm, bao đóng, khóa và các thuật toán liên quan nhằm phục vụ thiết kế lược đồ dữ liệu. Trên cơ sở đó, sinh viên được rèn luyện khả năng sử dụng đại số quan hệ và ngôn ngữ SQL để định nghĩa, truy vấn và thao tác dữ liệu. Học phần cũng trang bị các kiến thức về chuẩn hóa, các dạng chuẩn và phân rã quan hệ, qua đó giúp sinh viên thiết kế cơ sở dữ liệu có tính nhất quán, hạn chế dư thừa và hỗ trợ khai thác dữ liệu hiệu quả.
27	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ quản trị cơ sở dữ liệu, tập trung trên nền tảng SQL Server. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm về hệ quản trị cơ sở dữ liệu, mô hình và cấu trúc dữ liệu, các ràng buộc toàn vẹn; tạo cơ sở dữ liệu, bảng và cập nhật dữ liệu; sử dụng ngôn ngữ SQL trong truy vấn, xử lý và khai thác dữ liệu; xây dựng các đối tượng cơ sở dữ liệu như View, Stored Procedure, Function và Trigger. Thông qua các bài tập và bài toán quản lý, sinh viên phân tích đặc điểm và khả năng áp dụng của các kỹ thuật xử lý dữ liệu, phân tích yêu cầu và cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng giải pháp công nghệ thông tin. Học phần đồng thời chú trọng việc tuân thủ các quy định học tập, chuẩn mực nghề nghiệp và nguyên tắc an toàn thông tin trong quá trình xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu.
28	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	Học phần Phân tích và thiết kế hệ thống cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về hệ thống thông tin và quy trình phát triển phần mềm. Nội dung học phần bao gồm vòng đời phát triển hệ thống, các cách tiếp cận phân tích thiết kế hướng đối tượng, cùng các khái niệm cơ bản của phương pháp hướng đối tượng. Sinh viên được tiếp cận ngôn ngữ mô hình hóa UML và cách sử dụng các biểu đồ như use case, lớp, trạng thái, tuần tự, cộng tác, hoạt động, thành phần và triển khai. Trên cơ sở đó, học phần hướng dẫn sinh viên phân tích yêu cầu, mô tả nghiệp vụ, xác định các đối tượng và thiết kế cấu trúc, hành vi của hệ thống thông tin. Học phần góp phần hình thành tư duy hệ thống, năng lực mô hình hóa và nền tảng cần thiết cho việc phát triển, kiểm thử và bảo trì các hệ thống phần mềm.
29	Hệ thống thông tin quản lý	3	Học phần giúp người học hiểu rõ vai trò của hệ thống thông tin trong hoạt động quản lý và ra quyết định của tổ chức. Thông qua môn học, sinh viên nắm được các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin như con người, quy trình, dữ liệu và công nghệ. Đồng thời, môn học còn trang bị kiến thức về cách thu thập, xử lý và phân tích thông tin phục vụ quản lý hiệu quả. Bên cạnh đó, người học được làm quen với các loại hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp và phát triển tư duy ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
30	Nguyên lý kinh doanh số	3	Học phần Nguyên lý kinh doanh số trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về nguyên lý, đặc điểm, vai trò và xu hướng phát triển của kinh doanh số trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển của nền kinh tế số. Học phần giới thiệu các mô hình kinh doanh số, công nghệ nền tảng, hành vi khách hàng số và các yếu tố tạo giá trị trong môi trường trực tuyến. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh số, chiến lược và các hoạt động kinh doanh số của doanh nghiệp. Thông qua các tình huống thực tiễn học phần góp phần giúp sinh viên có khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh số và trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình học tập và làm việc.
31	Pháp luật về kinh doanh số	3	Học phần cung cấp kiến thức về các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh số, bao gồm giao dịch điện tử, hợp đồng điện tử, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, dữ liệu cá nhân và sở hữu trí tuệ. Học phần giúp sinh viên phân tích các quy định pháp luật và vận dụng vào xử lý những tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh số. Đồng thời, học phần góp phần hình thành trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật, bảo đảm quyền lợi của doanh nghiệp, khách hàng và cộng đồng.
32	Hành vi người tiêu dùng trực tuyến	2	Học phần nghiên cứu cách thức khách hàng tìm kiếm, đánh giá và quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ trong môi trường số. Sinh viên sẽ được khám phá các yếu tố tâm lý, xã hội và công nghệ tác động trực tiếp đến hành trình trải nghiệm của người dùng trực tuyến. Khóa học trang bị kỹ năng phân tích dữ liệu hành vi (click, tỷ lệ bỏ giỏ hàng) để thấu hiểu sâu sắc nhu cầu và "nỗi đau" của khách hàng. Từ đó, người học có thể xây dựng các chiến lược marketing số hiệu quả, tối ưu hóa giao diện và nâng cao tỷ lệ chuyển đổi cho doanh nghiệp.
33	Khai thác và phân tích dữ liệu	3	Học phần Khai thác và Phân tích dữ liệu được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu sự cần thiết của việc khai phá dữ liệu, nhằm rút ra thông tin hữu ích, và câu chuyện ẩn chứa phía sau các tập dữ liệu. Từ đó, tạo nền tảng đưa ra những quyết định trong tương lai (data-driven decision).
34	Thực tập doanh nghiệp	2	Học phần Thực tập doanh nghiệp tạo điều kiện để sinh viên tìm hiểu cơ cấu tổ chức, lĩnh vực kinh doanh, nguồn lực và hoạt động ứng dụng thương mại điện tử tại doanh nghiệp. Sinh viên quan sát, tham gia một số công việc phù hợp, thu thập và tổng hợp thông tin về website, kênh bán hàng, marketing điện tử, thanh toán, giao nhận và chăm sóc khách hàng. Kết thúc học phần, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực tập doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên và nhận xét của đơn vị.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
35	Công nghệ Blockchain và Ứng dụng trong Kinh doanh số	3	Học phần Công nghệ Blockchain và Ứng dụng trong Kinh doanh số trang bị cho sinh viên Kinh doanh số thuộc ngành Thương mại điện tử kiến thức từ nền tảng đến thực tiễn về công nghệ sổ cái phân tán (DLT), mạng chuỗi khối (Blockchain), hợp đồng thông minh (Smart Contract) và tài sản số (Token/NFT). Sinh viên được phân tích chuyên sâu các công cụ, giải pháp công nghệ và mô hình quản trị Blockchain trong việc tối ưu hóa quy trình vận hành thương mại điện tử, minh bạch hóa chuỗi cung ứng, thanh toán xuyên biên giới và bảo mật giao dịch trực tuyến. Thông qua các bài tập nhóm và dự án thực hành, sinh viên được rèn luyện kỹ năng khai thác các nền tảng công nghệ số, công cụ AI hỗ trợ, thư viện/công cụ lập trình Web3 và phối hợp nhóm để thiết kế giải pháp kinh doanh phi tập trung (DApp/DeFi). Ngoài ra, học phần kích thích tư duy đổi mới sáng tạo, giúp sinh viên chủ động đề xuất và đánh giá tính khả thi của các mô hình kinh doanh/mô hình khởi nghiệp mới dựa trên Blockchain, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện của doanh nghiệp trong kỷ nguyên số.
36	Ứng dụng công nghệ AI trong Kinh doanh số	3	Học phần "Ứng dụng công nghệ AI trong kinh doanh số" trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về cách áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào các hoạt động kinh doanh trực tuyến. Nội dung môn học bắt đầu với tổng quan về AI trong thương mại điện tử, bao gồm khái niệm, vai trò và xu hướng phát triển, giúp sinh viên hiểu rõ tác động của AI đối với ngành này.
37	Thực hành Quảng cáo điện tử	2	Học phần Thực hành Quảng cáo điện tử trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng các công cụ, giải pháp công nghệ trong hoạt động quảng cáo trên môi trường số. Thông qua các bài tập và tình huống thực tiễn, sinh viên thực hành khảo sát khách hàng, khai thác dữ liệu và phân tích yêu cầu nghiệp vụ tiếp thị, truyền thông số để triển khai hoạt động quảng cáo điện tử phù hợp với doanh nghiệp. Học phần đồng thời hình thành năng lực học tập chủ động, khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và các xu hướng công nghệ quảng cáo mới.
38	An toàn và bảo mật thông tin trong Kinh doanh số	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về an toàn và bảo mật dữ liệu trong hoạt động kinh doanh số, gồm vai trò của dữ liệu, mô hình CIA và yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin của doanh nghiệp số. Học phần trình bày các mối đe dọa, lỗ hổng và hình thức tấn công phổ biến trên môi trường số; các kỹ thuật bảo vệ dữ liệu (mã hóa, hàm băm, chữ ký số) cùng các giải pháp kiểm soát truy cập, an toàn mạng và bảo mật thanh toán số; đồng thời giới thiệu công tác quản trị rủi ro, khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân và đạo đức trong khai thác dữ liệu khách hàng. Qua đó, người học phân tích được các nguy cơ và yêu cầu bảo mật đối với dữ liệu, hệ thống, giao dịch trong kinh doanh số và hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, quy định về an toàn, bảo mật thông tin.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
39	Khởi nghiệp kinh doanh số	3	Học phần trang bị cho sinh viên tư duy làm chủ và các kỹ năng thực chiến cốt lõi để xây dựng, phát triển một dự án khởi nghiệp kinh doanh số trong lĩnh vực Thương mại điện tử. Nội dung môn học bao quát toàn bộ quy trình khởi nghiệp theo phương pháp Khởi nghiệp tinh gọn (Lean Startup), đi từ bước khắc phục tư duy lối mòn, nhận diện cơ hội thông qua việc khai thác dữ liệu trực tuyến, cho đến việc thiết kế và kiểm chứng Sản phẩm khả dụng tối thiểu (MVP). Bên cạnh đó, môn học hướng dẫn chi tiết cách thiết lập mô hình kinh doanh số (Lean Canvas), quản trị tài chính khởi nghiệp (dòng tiền, chi phí thu hút khách hàng), chiến lược tăng trưởng số (Growth Hacking) với ngân sách tối ưu và quy trình tạo lập doanh nghiệp. Thông qua các dự án nhóm và mô phỏng Ngày hội gọi vốn (Pitching Day), sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng phân tích dữ liệu, giải quyết vấn đề và thuyết phục nhà đầu tư, tạo tiền đề vững chắc để tự tin khởi sự kinh doanh trên môi trường số.
40	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3	Học phần Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm các hoạt động vận tải, kho bãi, dự trữ, thu mua, dịch vụ khách hàng và hợp tác trong chuỗi cung ứng. Sinh viên được trang bị các phương pháp phân tích, hoạch định và công cụ định lượng nhằm hỗ trợ ra quyết định trong quản trị vận tải, tồn kho và kho hàng. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các hệ thống thông tin và công nghệ ứng dụng trong logistics, góp phần nâng cao khả năng thích ứng với xu hướng chuyển đổi số và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
41	Thanh toán điện tử	3	Học phần Thanh toán điện tử cung cấp kiến thức nền tảng về các loại hình thanh toán điện tử trong thương mại điện tử như thanh toán thẻ, ví điện tử, vi thanh toán, chuyển khoản điện tử, séc điện tử, thanh toán hóa đơn điện tử, tiền điện tử và cổng thanh toán trực tuyến. Học phần tập trung vào quy trình vận hành, điều kiện áp dụng, rủi ro, yêu cầu bảo mật và tiêu chí lựa chọn giải pháp thanh toán phù hợp với từng mô hình kinh doanh. Thông qua bài tập, thảo luận và tình huống thực tiễn, sinh viên được rèn luyện năng lực phân tích, lựa chọn và vận dụng giải pháp thanh toán an toàn, thuận tiện và phù hợp với khách hàng trong môi trường thương mại điện tử.
42	Marketing số	3	Học phần Marketing số (Digital Marketing) cung cấp cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng về việc ứng dụng nền tảng, công cụ và công nghệ số trong hoạch định, triển khai và đánh giá hoạt động marketing của doanh nghiệp. Nội dung tập trung vào tổng quan và chiến lược Marketing số; phân tích môi trường và hành vi khách hàng trực tuyến; nghiên cứu thị trường số; quản trị quan hệ khách hàng (CRM); thiết kế trải nghiệm khách hàng số; Content Marketing, Website, SEO/SEM, Social Media, Email, quảng cáo số, Influencer/KOL, Mobile Marketing, Affiliate Marketing và thương mại điện tử. Học phần đồng thời giới thiệu việc ứng dụng

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			AI, Big Data và các công cụ phân tích dữ liệu trong sáng tạo nội dung, cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng, tối ưu chiến dịch và đo lường hiệu quả Marketing số. Bên cạnh đó, CSR, ESG và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) được lồng ghép trong quá trình xây dựng chiến lược, nội dung và hoạt động truyền thông, góp phần hình thành tư duy Marketing số hiệu quả, đổi mới, có trách nhiệm, minh bạch và hướng tới phát triển bền vững.
43	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh doanh và cơ hội kinh doanh, trong đó chứa đựng các yêu cầu cụ thể, cần thiết và đề xuất các giải pháp khả thi để đạt được mục đích kinh doanh. Sinh viên nắm được khái niệm, mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiệp vụ - kỹ thuật phân tích và tổ chức phân tích kinh doanh. Từ đó sinh viên vận dụng để phân tích các hoạt động cung cấp, hoạt động sản xuất, và hoạt động tiêu thụ; tổng hợp ảnh hưởng đến tình hình tài chính cũng như khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.
44	Phát triển ứng dụng Web thương mại	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành về quy trình thiết kế, lập trình và triển khai các hệ thống website thương mại điện tử hoàn chỉnh. Sinh viên được trang bị cả công nghệ Front-end (giao diện, trải nghiệm người dùng) lẫn Back-end (quản lý cơ sở dữ liệu, xử lý logic thanh toán, giỏ hàng, bảo mật). Khóa học chú trọng tư duy tối ưu hóa hiệu năng, tương thích thiết bị di động và tích hợp các công cụ hỗ trợ kinh doanh trực tuyến. Từ đó, người học có đủ năng lực xây dựng các giải pháp web thương mại an toàn, chuyên nghiệp và đáp ứng tốt nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.
45	Quản lý dự án Kinh doanh số	3	Học phần giúp sinh viên hiểu rõ quy trình quản lý dự án từ giai đoạn khởi đầu đến khi hoàn thành, đồng thời phát triển khả năng lập kế hoạch, kiểm soát nguồn lực, quản lý rủi ro và phối hợp với các bên liên quan trong môi trường thương mại điện tử. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng về xác định phạm vi dự án, xây dựng lịch trình, quản lý ngân sách, cũng như các yếu tố đặc thù của thương mại điện tử như hệ thống thanh toán, bảo mật thông tin, quản lý dữ liệu và tiếp thị trực tuyến. Bên cạnh đó, môn học giúp sinh viên hiểu và vận dụng các chức năng quản lý trong từng giai đoạn của dự án, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, điều hành và giám sát công việc. Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ tham gia các bài tập thực hành, nghiên cứu tình huống và triển khai dự án thực tế nhằm vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.
46	Quản trị tác nghiệp Kinh doanh số	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về việc thiết kế, vận hành và tối ưu hóa các quy trình hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp trong môi trường số. Sinh viên sẽ được tiếp cận cách quản lý chuỗi cung ứng thông minh, tự động hóa quy trình sản xuất - dịch vụ và ứng dụng các hệ thống ERP, CRM để quản trị nguồn lực. Khóa học chú trọng vào việc sử dụng dữ liệu thời gian thực để ra quyết định tác nghiệp chính xác, giảm thiểu chi phí và nâng

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			cao năng suất. Từ đó, người học có năng lực xây dựng hệ thống vận hành linh hoạt, nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp số.
47	Triển khai dự án Kinh doanh số	3	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng triển khai dự án kinh doanh số, bao gồm phân công nhiệm vụ, điều phối nguồn lực, quản lý tiến độ, chi phí, chất lượng và rủi ro. Thông qua dự án thực hành theo nhóm, sinh viên xây dựng, kiểm thử, hoàn thiện giải pháp và đánh giá kết quả triển khai.
48	Bán lẻ trực tuyến	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về mô hình, quy trình và hoạt động bán lẻ trực tuyến trên các nền tảng số và sàn thương mại điện tử; các phương thức tổ chức và quản trị hoạt động bán lẻ trực tuyến, bao gồm quản trị sản phẩm, giá bán, đơn hàng, thanh toán, logistics, dịch vụ khách hàng và website bán lẻ. Đồng thời, học phần trang bị kiến thức và kỹ năng phân tích thị trường, khách hàng, lựa chọn kênh bán lẻ, lập kế hoạch kinh doanh và tổ chức vận hành hoạt động bán lẻ trực tuyến phù hợp với mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường số, trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.
49	Chuyên đề Kinh Doanh Số	2	Chuyên đề Kinh doanh số là học phần chuyên sâu mang tính tổng hợp ở giai đoạn cuối khóa, hướng tới việc trang bị cho người học năng lực thực tiễn vững vàng trong việc tổ chức, quản lý, vận hành và triển khai các mô hình kinh doanh số hiện đại. Học phần yêu cầu thực hiện một dự án chuyên đề thực tế, bao hàm các nội dung trọng tâm:Phân tích tính khả thi và đề xuất các giải pháp bán lẻ trực tuyến, thanh toán điện tử và an toàn bảo mật, khai thác dữ liệu dựa trên quy định pháp luật và hoạt động kinh doanh số. Nghiên cứu và phân tích các yêu cầu nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh thương mại, tiếp thị số, truyền thông số và quản trị thương hiệu trên môi trường số nhằm giải quyết một bài toán cụ thể của doanh nghiệp. Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với cộng đồng trong lĩnh vực nghề nghiệp, đặc biệt được nhấn mạnh xuyên suốt quá trình thu thập thông tin và hoạch định chiến lược kinh doanh.
50	Quản trị truyền thông số	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về chiến lược, quy trình và công cụ quản trị truyền thông trong môi trường số. Học phần giúp người học hiểu cách xây dựng kế hoạch truyền thông, quản lý nội dung trên các nền tảng số, tối ưu hóa hiệu quả chiến dịch và đo lường các chỉ số truyền thông. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá hoạt động truyền thông số, gắn với các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, pháp lý và quản trị danh tiếng của tổ chức.
51	Quản trị nguồn nhân lực số	2	Học phần Quản trị nguồn nhân lực số cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan và chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, bao gồm các khái niệm, vai trò của công tác quản trị nguồn nhân lực; hoạch định nhân lực; phân tích công việc; tuyển dụng nhân lực; đào tạo và phát triển nhân lực; đánh giá thực hiện công việc;

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			thù lao lao động. Đồng thời, học phần cung cấp các kiến thức về phân tích dữ liệu nhân sự, xu hướng chuyển đổi số, tự động hóa quy trình tuyển dụng. Ngoài ra học phần còn trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản để thực hiện hoạt đông xây dựng và quản lý lao động trong tổ chức một cách hiệu quả.
52	Quản trị thương hiệu trong môi trường số	2	Học phần cung cấp các nội dung về tổng quan thương hiệu và quản trị thương hiệu; xây dựng, phát triển và quản trị thương hiệu trong môi trường số; ứng dụng các mô hình, công cụ và nền tảng số trong quản trị thương hiệu; quản trị trải nghiệm khách hàng, truyền thông thương hiệu, đo lường hiệu quả và phát triển thương hiệu bền vững. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức để phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản trị thương hiệu, đáp ứng yêu cầu của môi trường thương mại điện tử và kinh doanh số.
53	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	2	Học phần Quản trị quan hệ khách hàng điện tử cung cấp kiến thức về các nguyên lý, chiến lược và quy trình quản trị quan hệ khách hàng trong môi trường thương mại điện tử và kinh doanh số. Nội dung học phần bao gồm quản trị dữ liệu khách hàng, xây dựng và triển khai hệ thống e-CRM, quản trị trải nghiệm khách hàng đa kênh, đánh giá hiệu quả hoạt động e-CRM và ứng dụng công nghệ số trong quản trị quan hệ khách hàng. Thông qua các tình huống và bài tập thực tiễn, sinh viên vận dụng các công cụ e-CRM để nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển quan hệ khách hàng.
54	Tiếng Anh chuyên ngành	3	Học phần này trang bị cho sinh viên vốn ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản, cần thiết cho môi trường thương mại, tập trung vào các chủ đề về thông tin liên lạc, nhóm làm việc, công ty, văn phòng, các sự kiện, tiền tệ, thị trường, công ty, giao dịch thương mại, các chứng từ thương mại và marketing. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học bằng Tiếng Anh vào trong các tình huống thương mại thực tế bao gồm kỹ năng đọc hiểu, viết, nghe, thuyết trình bằng Tiếng Anh và đàm thoại thông qua những mẫu câu thông dụng, thể hiện và phát triển ý kiến theo các chủ đề thông dụng trong thương mại.
55	Thực tập tốt nghiệp	2	Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực thương mại điện tử. Sinh viên tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng, quy trình hoạt động và các điều kiện ứng dụng công nghệ tại cơ sở thực tập; tham gia thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn phù hợp; quan sát, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến chủ đề báo cáo. Trên cơ sở đối chiếu kiến thức đã học với thực tiễn, sinh viên phân tích thực trạng, xác định kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất giải pháp hoặc kiến nghị. Kết thúc học phần, sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập và phiếu nhận xét của cơ sở thực tập theo quy định.
56	Khóa luận tốt nghiệp	8	Học phần Khóa luận tốt nghiệp là hoạt động học tập tổng hợp ở giai đoạn cuối chương trình đào tạo. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên lựa chọn và xác định một vấn đề nghiên cứu hoặc vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			vực thương mại điện tử; xây dựng đề cương và kế hoạch thực hiện; tổng quan tài liệu; thiết kế phương pháp nghiên cứu; thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu; thảo luận kết quả; đề xuất giải pháp hoặc sản phẩm ứng dụng. Sinh viên hoàn thiện báo cáo khóa luận theo quy định về nội dung, hình thức và trích dẫn, đồng thời chuẩn bị bài trình bày để bảo vệ trước hội đồng. Học phần chú trọng tính logic, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn, tính khả thi của kết quả, năng lực làm việc độc lập và tuân thủ liêm chính học thuật.
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			
57	Kinh doanh điện tử quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, tác động của toàn cầu hoá và các yếu tố tác động tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Các phương thức thâm nhập thị trường; chiến lược kinh doanh quốc tế và cấu trúc tổ chức của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế, các kiến thức về chuỗi cung ứng, quản trị marketing quốc tế. Ngoài ra người học cũng được trang bị kỹ năng trong việc đánh giá các yếu tố tác động đến hoạt động kinh doanh quốc tế, kỹ năng lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường, xây dựng chiến lược kinh doanh quốc tế, và những kỹ năng mềm khác như kỹ năng phân tích, đánh giá thị trường, kỹ năng làm việc theo nhóm, thảo luận.
58	Chiến lược kinh doanh số	3	Học phần Chiến lược kinh doanh số cung cấp cho sinh viên kiến thức về môi trường kinh doanh số, các mô hình kinh doanh, lợi thế cạnh tranh và quy trình xây dựng chiến lược trong bối cảnh chuyển đổi số. Học phần giúp người học phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược, đánh giá các phương án kinh doanh dựa trên dữ liệu thị trường, nguồn lực doanh nghiệp và xu hướng công nghệ. Đồng thời, học phần trang bị các mô hình, công cụ và phương pháp hoạch định chiến lược để xây dựng chiến lược kinh doanh số cho doanh nghiệp thông qua các tình huống thực tiễn và dự án. Qua đó, sinh viên hình thành tư duy chiến lược, năng lực đề xuất giải pháp triển khai và cải tiến chiến lược theo định hướng đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và trách nhiệm nghề nghiệp.
59	Phân tích báo cáo tài chính	2	Học phần cung cấp các công cụ và phương pháp chuyên sâu để đọc hiểu, "giải mã" các số liệu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Sinh viên sẽ được thực hành tính toán các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán, hiệu suất hoạt động, cơ cấu vốn và khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Khóa học giúp người học nhận diện chất lượng lợi nhuận, phát hiện các dấu hiệu rủi ro tiềm ẩn và đánh giá sức khỏe tài chính thực sự của tổ chức. Từ đó, sinh viên hình thành tư duy phân tích sắc bén để phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư, cho vay hoặc quản trị nội bộ.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 10 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG	**TRƯỞNG KHOA**
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	
PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương	**PGS.TS. Nguyễn Minh Dân**